

**Công ty Cổ phần Quản lý
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 48

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304524894 ngày 25 tháng 10 năm 2006 và các sửa đổi bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 08/UBCK-GPHĐQLQ ngày 25 tháng 10 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 11/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2022 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 5, Tòa nhà HM Town, Số 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Cung Trần Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Hoàng Bảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Pho Hop	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Bùi Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Phạm Pho Hop	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 9 năm 2020
Bà Khúc Thị Kiều	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2013

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này là ông Phạm Pho Hop – Tổng giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng giám đốc của Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Ông Phạm Pho Hop
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 13483489/67618305-SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”) được lập ngày 14 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 15 tháng 8 năm 2022.

Ngoài ra, báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được doanh nghiệp kiểm toán này kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2023

B01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		189.428.924.996	196.805.595.020
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	14.510.849.584	29.549.521.312
111	1. Tiền		14.510.849.584	4.549.521.312
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	25.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	171.230.688.100	145.108.206.605
121	1. Đầu tư ngắn hạn		173.420.484.211	156.456.609.266
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(2.189.796.111)	(11.348.402.661)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.788.539.893	21.339.751.804
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.215.087.250	20.375.454.288
132	2. Trả trước cho người bán		35.850.000	-
134	3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	7	302.688.559	351.810.444
135	4. Các khoản phải thu khác	8	1.234.914.084	612.487.072
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		898.847.419	808.115.299
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	499.815.177	409.083.057
154	2. Thuế phải thu Nhà nước	10	399.032.242	399.032.242
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.639.450.555	6.955.273.331
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		550.311.000	526.011.000
218	1. Phải thu dài hạn khác	11	550.311.000	526.011.000
220	II. Tài sản cố định		1.700.344.241	2.025.806.648
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12.1	1.446.594.228	1.705.556.629
222	Nguyên giá tài sản cố định		3.187.174.044	3.187.174.044
223	Hao mòn tài sản cố định		(1.740.579.816)	(1.481.617.415)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12.2	253.750.013	320.250.019
228	Nguyên giá tài sản cố định		739.609.998	739.609.998
229	Hao mòn tài sản cố định		(485.859.985)	(419.359.979)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	3.985.663.559	3.985.663.559
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		2.848.953.061	2.848.953.061
258	2. Đầu tư dài hạn khác		2.500.000.000	2.500.000.000
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(1.363.289.502)	(1.363.289.502)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		403.131.755	417.792.124
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	403.131.755	417.792.124
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		196.068.375.551	203.760.868.351

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023

B01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.361.772.334	2.766.407.890
310	I. Nợ ngắn hạn		3.051.772.334	2.456.407.890
314	1. Thuế và các khoản nộp Nhà nước	15	152.645.235	412.604.499
315	2. Phải trả người lao động		1.954.726.666	-
316	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	435.435.632	289.016.359
319	4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	21.259.101	1.267.081.332
323	5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		487.705.700	487.705.700
330	II. Nợ dài hạn		310.000.000	310.000.000
359	1. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		310.000.000	310.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		192.706.603.217	200.994.460.461
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	130.000.000.000	130.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(2.608.500.000)	(2.608.500.000)
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		-	3.606.859.427
419	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	3.606.859.427
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		65.315.103.217	66.389.241.607
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		196.068.375.551	203.760.868.351

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023

B01a-CTQ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

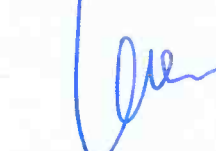
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý		1.080.293.339	1.080.293.339
006	2. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		32.041.040.000	28.606.040.000
007	- Chứng khoán giao dịch		32.041.040.000	28.606.040.000
020	3. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ theo mệnh giá		75.392.695.400	75.432.690.000
030	4. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	19	3.597.484.588	7.444.607.871
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		3.597.381.550	7.431.683.332
032	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		103.038	12.924.539
040	5. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	20	93.432.802.819	112.970.357.852
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước		91.120.801.305	104.858.856.338
042	- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		2.312.001.514	8.111.501.514
050	6. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	21	180.448.741	336.400.232
051	7. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	22	108.039.768	118.312.299

Người lập:



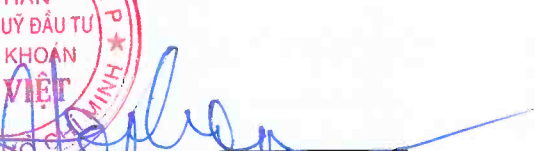
Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:

Ông Phạm Phò Hợp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

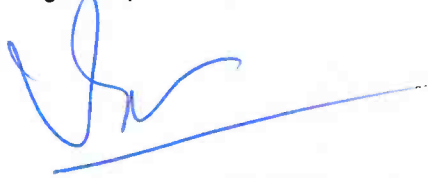
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

B02a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
01	1. Doanh thu		1.465.386.165	1.070.203.147
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	23	1.465.386.165	1.070.203.147
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	24	(9.095.706.527)	(8.641.024.786)
20	4. Lỗ gộp từ hoạt động kinh doanh		(7.630.320.362)	(7.570.821.639)
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	25	4.214.670.317	11.699.070.282
22	6. Chi phí tài chính	26	(145.645.699)	(5.818.107.790)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(4.726.561.500)	(4.959.056.098)
30	8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(8.287.857.244)	(6.648.915.245)
31	9. Thu nhập khác		217.724.206	127.677.896
32	10. Chi phí khác		(217.724.206)	(140.790.013)
40	11. Lỗ khác		-	(13.112.117)
50	12. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(8.287.857.244)	(6.662.027.362)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	-	-
60	14. Lỗ sau thuế TNDN		(8.287.857.244)	(6.662.027.362)
70	15. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	29	(638)	(512)

Người lập:



Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phạm Phú Hợp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

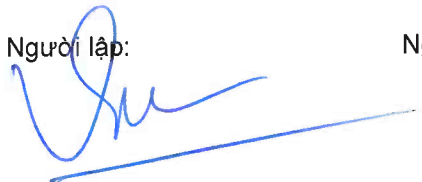
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

B03a-CTQ

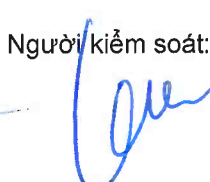
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		67.375.031.381	75.536.355.738
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người bán		(67.624.127.077)	(39.634.232.868)
03	3. Tiền chi trả lương cho nhân viên		(5.867.980.000)	(10.699.258.571)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	(3.180.685.217)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		233.398.373	819.086.584
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.226.836.807)	(1.841.030.917)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(7.110.514.130)	21.000.234.749
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(76.604.000)
23	2. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(30.000.000.000)	-
24	3. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác		21.468.467.796	-
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.250.000.000)	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.853.374.606	1.568.209.293
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(7.928.157.598)	1.491.605.293
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(15.038.671.728)	22.491.840.042
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	29.549.521.312	23.259.728.919
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	14.510.849.584	45.751.568.961

Người lập:



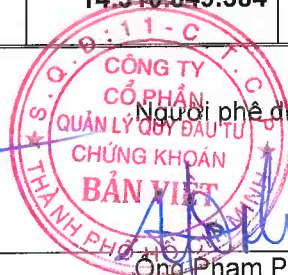
Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phạm Pho Hop
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm)				Số cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2022 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	130.000.000.000	130.000.000.000	-	-	-	-	130.000.000.000	130.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		(2.608.500.000)	(2.608.500.000)	-	-	-	-	(2.608.500.000)	(2.608.500.000)
3. Quỹ dự phòng tài chính		3.606.859.427	3.606.859.427	-	-	-	(3.606.859.427)	3.606.859.427	-
4. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		3.606.859.427	3.606.859.427	-	-	-	(3.606.859.427)	3.606.859.427	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối		83.120.547.346	66.389.241.607	-	(6.662.027.362)	7.213.718.854	(8.287.857.244)	76.458.519.984	65.315.103.217
TỔNG CỘNG		217.725.766.200	200.994.460.461	-	(6.662.027.362)	7.213.718.854	(15.501.576.098)	211.063.738.838	192.706.603.217

Trong năm, Công ty thực hiện điều chuyển quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 7.213.718.854 VND theo phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông Công ty ngày 25 tháng 4 năm 2023.

Người lập:



Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phú Hòp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304524894 ngày 25 tháng 10 năm 2006 và các sửa đổi bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 08/UBCK-GPHĐQLQ ngày 25 tháng 10 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 11/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2022 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 5, Tòa nhà HM Town, Số 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 23 người (31 tháng 12 năm 2022: 21 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tại công ty chứng khoán, tiền gửi tại công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản đầu tư

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư vào những chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh.

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư và góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư khác của Công ty bao gồm chứng khoán niêm yết và chứng khoán chưa niêm yết. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC được sửa đổi bởi Thông tư 24/2022/TT-BTC. Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Chi phí trả trước thuê bao dữ liệu phần mềm;
- ▶ Chi phí bảo hiểm sức khỏe nhân viên;
- ▶ Chi phí dịch vụ mua ngoài.

3.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Khấu hao*

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nâng cấp văn phòng	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm

3.7 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.8 *Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác*

Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

3.9 *Lợi ích của nhân viên*

3.9.1 *Trợ cấp nghỉ hưu*

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.9.2 *Trợ cấp thôi việc*

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

3.9.3 *Trợ cấp thất nghiệp*

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương (riêng giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2021 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022 là 0%), tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11 *Các quỹ*

Các quỹ của Công ty được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.

3.12 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác và phí thường hoạt động được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng quản lý quỹ.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu nắm giữ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Giá trị sau khi ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

3.17 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Tiền mặt	42.512.977	32.886.536
Tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng	14.468.336.607	4.516.634.776
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	-	25.000.000.000
	14.510.849.584	29.549.521.312

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
		Dự phòng		Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã				
Đăng ký giao dịch trên sàn Upcom				
GCF	12.501.000.000	20.715.082.074	-	-
VHC	5.705.825.920	6.110.000.000	-	-
VIB	5.496.021.736	5.895.000.000	-	-
BVH	3.481.921.466	3.087.000.000	(394.921.466)	-
VLB	2.675.861.550	2.347.598.700	(328.262.850)	-
MML	2.572.030.804	1.692.232.500	(879.798.304)	(1.849.842.114)
VSN	1.554.903.201	1.078.303.100	(476.600.101)	(310.441.317)
Khác	29.676.504.152	31.588.387.800	(110.213.390)	(9.183.602.588)
Trái phiếu niêm yết				
VIC121005	-	-	474.406.238	469.889.596
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết				
VCAMBF (*)	54.756.415.382	72.698.709.642	-	-
VCAM-NH VABF (*)	25.000.000.000	26.050.760.214	-	-
Hợp đồng tiền gửi (**)	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
TỔNG CỘNG	173.420.484.211	201.263.074.030	(2.189.796.111)	(11.348.402.661)

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty nắm giữ 83,6% số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ VCAMBF (31 tháng 12 năm 2022: 83,0%) và 16,4% số lượng chứng chỉ quỹ của Quỹ VCAM-NH VABF (31 tháng 12 năm 2022: 12,5%).

Công ty không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các đơn vị được Công ty đầu tư. Theo đó, Công ty không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các đơn vị được đầu tư mà chỉ nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn. Do đó, các khoản đầu tư của Công ty được phân loại là chứng khoán kinh doanh theo chính sách kế toán được trình bày tại *Thuyết minh* 3.2.

(**) Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng và hưởng lãi suất năm từ 7,4% đến 9,3%.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

Thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Số dư đầu kỳ (Hoàn nhập)/trích lập trong kỳ	11.348.402.661 (9.158.606.550)	2.797.719.744 4.079.020.051
Số dư cuối kỳ	2.189.796.111	6.876.739.795

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Phải thu từ bán cổ phiếu	1.215.087.250	4.223.970.288
Phải thu từ bán chứng chỉ quỹ	-	16.151.484.000
	1.215.087.250	20.375.454.288

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Phải thu hoạt động quản lý quỹ	214.653.168	224.175.979
Phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	87.159.581	126.451.395
Phải thu phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	875.810	1.183.070
	302.688.559	351.810.444

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Phải thu lãi tiền gửi	605.068.493	428.630.580
Phải thu cổ tức	441.850.000	6.380.000
Tạm ứng cho nhân viên	186.479.806	175.889.146
Phải thu ngắn hạn khác	1.515.785	1.587.346
	1.234.914.084	612.487.072

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Phí thuê bao dữ liệu phần mềm	331.771.667	155.053.417
Bảo hiểm nhân viên	94.242.053	32.840.550
Cước phí internet	34.414.286	91.928.571
Phí bảo trì, lắp đặt	22.000.000	92.695.717
Khác	17.387.171	36.564.802
	499.815.177	409.083.057

Thay đổi chi phí trả trước ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Số dư đầu kỳ	409.083.057	612.283.216
Tăng trong kỳ	586.940.070	644.886.999
Phân bổ trong kỳ	(496.207.950)	(624.735.886)
Số dư cuối kỳ	499.815.177	632.434.329

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	399.032.242	399.032.242
	399.032.242	399.032.242

11. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Đặt cọc thuê văn phòng	531.861.000	507.561.000
Khác	18.450.000	18.450.000
	550.311.000	526.011.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

12.1 Tài sản cố định hữu hình

	<i>Nâng cấp văn phòng VND</i>	<i>Thiết bị văn phòng VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	1.570.866.516	1.616.307.528	3.187.174.044
Số cuối kỳ	<u>1.570.866.516</u>	<u>1.616.307.528</u>	<u>3.187.174.044</u>
Khấu hao lũy kế			
Số đầu kỳ	459.281.456	1.022.335.959	1.481.617.415
Khấu hao trong kỳ	<u>165.234.283</u>	<u>93.728.118</u>	<u>258.962.401</u>
Số cuối kỳ	<u>624.515.739</u>	<u>1.116.064.077</u>	<u>1.740.579.816</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	<u>1.111.585.060</u>	<u>593.971.569</u>	<u>1.705.556.629</u>
Số cuối kỳ	<u>946.350.777</u>	<u>500.243.451</u>	<u>1.446.594.228</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 885.125.028 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 885.125.028 VND).

12.2 Tài sản cố định vô hình

	<i>Phần mềm máy vi tính VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	739.609.998	739.609.998
Số cuối kỳ	<u>739.609.998</u>	<u>739.609.998</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu kỳ	419.359.979	419.359.979
Hao mòn trong kỳ	<u>66.500.006</u>	<u>66.500.006</u>
Số cuối kỳ	<u>485.859.985</u>	<u>485.859.985</u>
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	<u>320.250.019</u>	<u>320.250.019</u>
Số cuối kỳ	<u>253.750.013</u>	<u>253.750.013</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng là 424.610.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 284.610.000 đồng).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022			
	Tỷ lệ	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty cổ phần đầu tư Việt Capital Ventures (i)	39,0%	1.891.500.000	(53.363.148)	39,0%	1.891.500.000	(53.363.148)
Công ty Cổ phần Tư vấn Giáo dục Bản Việt (ii)	39,1%	957.453.061	(1.309.926.354)	39,1%	957.453.061	(1.309.926.354)
		2.848.953.061	(1.363.289.502)		2.848.953.061	(1.363.289.502)
Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần STAG Việt Nam (iii)	3,75%	2.500.000.000	-	3,75%	2.500.000.000	-

(i) Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures được thành lập theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 0315257305 ngày 5 tháng 9 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ hỗ trợ tài chính. Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures bắt đầu hoạt động từ ngày 5 tháng 9 năm 2018.

(ii) Công ty Cổ phần Tư vấn Giáo dục Bản Việt được thành lập theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 0316963455 ngày 28 tháng 9 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Công ty Cổ phần Tư vấn Giáo dục Bản Việt bắt đầu hoạt động từ ngày 28 tháng 9 năm 2021.

(iii) Công ty Cổ phần STAG Việt Nam được thành lập theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 0317189756 ngày 8 tháng 3 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ hỗ trợ công nghệ để người dùng học tập quản lý tài chính cá nhân, tra cứu thông tin, dữ liệu thị trường, và phân tích với mục đích tham khảo một cách dễ dàng tiện lợi.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính này bởi vì không có thông tin về giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Chi phí thiết bị văn phòng	158.285.417	193.360.238
Chi phí nội thất văn phòng	157.817.169	203.774.216
Phí phần mềm trả trước	77.107.117	16.723.915
Khác	9.922.052	3.933.755
	403.131.755	417.792.124

Thay đổi chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
Số đầu kỳ	417.792.124	238.269.638
Tăng trong kỳ	109.062.600	360.813.580
Phân bổ trong kỳ	(123.722.969)	(95.237.672)
Số cuối kỳ	403.131.755	503.845.546

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Đã trả trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(399.032.242)	-	-	(399.032.242)
Thuế thu nhập cá nhân	412.604.499	931.185.218	(1.191.144.482)	152.645.235
Thuế nhà thầu	-	16.521.257	(16.521.257)	-
	13.572.257	947.706.475	(1.207.665.739)	(246.387.007)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu ngân sách Nhà nước</i>	(399.032.242)			(399.032.242)
<i>Thuế và các khoản phải trả ngân sách Nhà nước</i>	412.604.499			152.645.235

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Chi phí đào tạo	325.000.000	-
Chi phí dịch vụ chuyên môn	107.250.000	178.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	3.185.632	111.016.359
	435.435.632	289.016.359

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Phải trả khác	21.259.101	17.081.332
Phải trả mua chứng khoán	-	1.250.000.000
	21.259.101	1.267.081.332

18. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết cổ phiếu của Công ty như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (cổ phiếu)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (cổ phiếu)
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành cho cổ đông		
- Số cổ phần phổ thông	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành		
- Số cổ phần phổ thông	13.000.000	13.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố tại từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 06 năm 2023.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

19. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Chi tiết số dư tiền gửi nhà đầu tư ủy thác:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	3.597.381.550	7.431.683.332
Hoàng Thu Thủy (i)	1.446.900.408	5.571.602.195
Huỳnh Công Tiến (ii)	516.792.804	411.867.874
Lê Ninh Giang (iii)	477.494.044	276.364.904
Đặng Thu Thảo (iv)	384.548.488	312.175.523
Thân Thị Thục Quyên (v)	376.397.522	276.125.678
Huỳnh Thị Minh Trang (vi)	209.198.325	136.831.117
Phạm Anh Khoa (vii)	59.789.114	61.528.463
Chu Thị Thảo Nguyễn (viii)	41.479.000	-
Nguyễn Cao Luân (ix)	17.307.450	143.842
Huỳnh Chí Phương Quyên (x)	10.028.872	11.817.816
Việt Thụy Tố Quyên (xi)	9.753.010	5.309.827
Nguyễn Cảnh Thịnh (xii)	9.576.474	5.302.506
Công ty TNHH MTV Digiworld Venture (xiii)	8.506.095	436.638
Lê Quỳnh Kim Ngân (xiv)	8.108.260	4.264.911
Công ty TNHH Phoenix Holdings (xv)	6.998.710	14.963.007
Nguyễn An Thiên Trang (xvi)	6.137.694	3.234.256
Lê Nguyễn Chí Cường (xvii)	3.735.453	653.729
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures (xviii)	3.319.476	3.665.533
Chung Bích Nga (xix)	1.140.928	3.238.554
Trần Ngô Anh Thy (xx)	169.423	289.301
Đoàn Thị Phương Lan (xxi)	-	331.866.312
Nguyễn Thị Ngọc Như (xxii)	-	1.346
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	103.038	12.924.539
Kalidas Ghose (xxiii)	103.038	102.937
Jang Hyungsik (xxiv)	-	12.821.602
	3.597.484.588	7.444.607.871

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong kỳ của các nhà đầu tư ủy thác như sau:

(i) Hoàng Thu Thủy

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND
Số dư đầu kỳ	5.571.602.195	-
Tăng trong kỳ	425.902.152	-
<i>Nhận lãi trái phiếu</i>	306.365.549	-
<i>Nhận tiền bán chứng khoán</i>	115.435.000	-
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	2.201.603	-
<i>Cổ tức nhận được</i>	1.900.000	-
Giảm trong kỳ	(4.550.603.939)	-
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(4.523.062.765)	-
<i>Phí môi giới</i>	(6.957.748)	-
<i>Phí lưu ký</i>	(4.703.572)	-
<i>Chi khác</i>	(15.879.854)	-
Số dư cuối kỳ	1.446.900.408	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

19. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(ii) Huỳnh Công Tiến

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND
Số dư đầu kỳ	411.867.874	387.906.617
Tăng trong kỳ	1.773.560.722	2.314.460.625
<i>Nhận tiền bán chứng khoán</i>	1.603.124.524	1.572.645.000
<i>Cổ tức nhận được</i>	168.974.811	15.296.453
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	1.461.387	363.104
<i>Ứng trước tiền bán chứng khoán</i>	-	726.156.068
Giảm trong kỳ	(1.668.635.792)	(2.221.361.764)
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(1.661.571.510)	(1.486.230.000)
<i>Phí lưu ký</i>	(120.591)	(66.655)
<i>Thanh toán gốc ứng trước</i>	-	(726.156.068)
<i>Chi khác</i>	(6.943.691)	(8.909.041)
Số dư cuối kỳ	516.792.804	481.005.478

(iii) Lê Ninh Giang

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND
Số dư đầu kỳ	276.364.904	275.345.189
Tăng trong kỳ	4.107.816.334	6.336.921.958
<i>Nhận tiền bán chứng khoán</i>	3.739.094.918	6.295.725.944
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	346.500.000	28.631.593
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	421.416	215.134
<i>Cổ tức nhận được</i>	21.800.000	12.231.550
<i>Thu khác</i>	-	117.737
Giảm trong kỳ	(3.906.687.194)	(6.269.777.147)
<i>Chuyển vốn ủy thác theo yêu cầu nhà đầu tư</i>	(2.274.000.000)	-
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(1.562.201.117)	(1.117.675.000)
<i>Phí quản lý</i>	(56.973.963)	(38.036.337)
<i>Phí lưu ký</i>	(6.718.515)	(6.380.732)
<i>Tất toán tài khoản</i>	-	(5.087.338.481)
<i>Chi khác</i>	(6.793.599)	(20.346.597)
Số dư cuối kỳ	477.494.044	342.490.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

19. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(iv) Đặng Thu Thảo

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND</i>
Số dư đầu kỳ	312.175.523	270.232.768
Tăng trong kỳ		
<i>Nhận tiền bán chứng khoán</i>	1.353.962.002	1.649.689.485
<i>Cổ tức nhận được</i>	1.331.134.400	1.242.290.000
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	20.900.000	12.538.147
<i>Vay mua ký quỹ</i>	1.927.602	216.531
<i>Vay mua ký quỹ</i>	-	394.644.807
Giảm trong kỳ		
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(1.281.589.037)	(1.619.539.150)
<i>Phí lưu ký</i>	(1.276.826.218)	(1.219.965.000)
<i>Thanh toán gốc vay mua ký quỹ</i>	(89.887)	(53.164)
<i>Chi khác</i>	-	(394.644.807)
	(4.672.932)	(4.876.179)
Số dư cuối kỳ	384.548.488	300.383.103

(v) Thân Thị Thục Quyên

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND</i>
Số dư đầu kỳ	276.125.678	260.510.407
Tăng trong kỳ		
<i>Nhận tiền bán chứng khoán</i>	1.342.403.926	1.633.579.487
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	1.319.910.100	1.216.390.000
<i>Cổ tức nhận được</i>	1.783.826	184.137
<i>Vay mua ký quỹ</i>	20.710.000	12.633.147
<i>Vay mua ký quỹ</i>	-	404.372.203
Giảm trong kỳ		
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(1.242.132.082)	(1.629.648.664)
<i>Phí lưu ký</i>	(1.237.398.315)	(1.220.410.000)
<i>Thanh toán gốc vay mua ký quỹ</i>	(88.894)	(54.362)
<i>Chi khác</i>	-	(404.372.203)
	(4.644.873)	(4.812.099)
Số dư cuối kỳ	376.397.522	264.441.230

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

19. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(vi) Huỳnh Thị Minh Trang

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND
Số dư đầu kỳ	136.831.117	117.655.031
Tăng trong kỳ		
<i>Nhận tiền bán chứng khoán</i>	701.898.577	606.675.835
<i>Cổ tức nhận được</i>	690.736.615	600.572.811
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	11.000.000	5.995.460
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	161.962	107.564
Giảm trong kỳ	(629.531.369)	(553.827.768)
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(622.271.118)	(548.202.500)
<i>Phí lưu ký</i>	(4.050.000)	(2.100.000)
<i>Chi khác</i>	(3.210.251)	(3.525.268)
Số dư cuối kỳ	209.198.325	170.503.098

(vii) Phạm Anh Khoa

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND
Số dư đầu kỳ	61.528.463	65.133.603
Tăng trong kỳ		
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	60.651	64.160
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	60.651	64.160
Giảm trong kỳ	(1.800.000)	(1.932.000)
<i>Phí lưu ký</i>	(1.800.000)	(1.800.000)
<i>Chi khác</i>	-	(132.000)
Số dư cuối kỳ	59.789.114	63.265.763

(viii) Chu Thị Thảo Nguyên

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Tăng trong kỳ		
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	41.479.000	-
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	41.479.000	-
Số dư cuối kỳ	41.479.000	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

19. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(ix) Nguyễn Cao Luân

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND
Số dư đầu kỳ	143.842	111.799
Tăng trong kỳ	991.026.830	20.004.107
<i>Nhận tiền bán chứng khoán</i>	991.000.000	-
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	26.830	4.107
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	-	20.000.000
Giảm trong kỳ	(973.863.222)	(10.111.111)
<i>Chuyển vốn ủy thác theo yêu cầu nhà đầu tư</i>	(970.000.000)	-
<i>Phí lưu ký</i>	(2.100.000)	(1.800.000)
<i>Phí quản lý</i>	(672.222)	(8.179.111)
<i>Chi khác</i>	(1.091.000)	(132.000)
Số dư cuối kỳ	17.307.450	10.004.795

(x) Huỳnh Chí Phương Quyên

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND
Số dư đầu kỳ	11.817.816	15.522.266
Tăng trong kỳ	11.056	14.666
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	11.056	14.666
Giảm trong kỳ	(1.800.000)	(1.932.000)
<i>Phí lưu ký</i>	(1.800.000)	(1.800.000)
<i>Chi khác</i>	-	(132.000)
Số dư cuối kỳ	10.028.872	13.604.932

(xi) Việt Thụy Tố Quyên

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND
Số dư đầu kỳ	5.309.827	21.219.304
Tăng trong kỳ	7.005.555	7.011.518
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	7.000.000	7.000.000
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	5.555	11.518
Giảm trong kỳ	(2.562.372)	(21.127.356)
<i>Phí lưu ký</i>	(2.562.372)	(1.800.000)
<i>Phí quản lý</i>	-	(19.195.356)
<i>Chi khác</i>	-	(132.000)
Số dư cuối kỳ	9.753.010	7.103.466

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

19. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xii) Nguyễn Cảnh Thịnh

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND
Số dư đầu kỳ	5.302.506	26.040.690
Tăng trong kỳ	7.005.756	7.014.118
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	7.000.000	7.000.000
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	5.756	14.118
Giảm trong kỳ	(2.731.788)	(25.958.657)
<i>Phí lưu ký</i>	(2.731.788)	(1.800.000)
<i>Phí quản lý</i>	-	(24.026.657)
<i>Chi khác</i>	-	(132.000)
Số dư cuối kỳ	9.576.474	7.096.151

(xiii) Công ty TNHH MTV Digiworld Venture

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND
Số dư đầu kỳ	436.638	16.696.619
Tăng trong kỳ	53.720.403	52.431.056
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	53.714.447	52.408.422
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	5.956	22.634
Giảm trong kỳ	(45.650.946)	(46.419.213)
<i>Phí quản lý</i>	(43.338.946)	(43.206.946)
<i>Phí lưu ký</i>	(1.387.200)	(2.774.400)
<i>Chi khác</i>	(924.800)	(437.867)
Số dư cuối kỳ	8.506.095	22.708.462

(xiv) Lê Quỳnh Kim Ngân

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND
Số dư đầu kỳ	4.264.911	19.227.094
Tăng trong kỳ	6.003.381	6.010.587
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	6.000.000	6.000.000
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	3.381	10.587
Giảm trong kỳ	(2.160.032)	(19.178.084)
<i>Phí lưu ký</i>	(2.160.032)	(1.800.000)
<i>Phí quản lý</i>	-	(17.246.084)
<i>Chi khác</i>	-	(132.000)
Số dư cuối kỳ	8.108.260	6.059.597

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

19. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xv) Công ty TNHH Phoenix Holdings

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND</i>
Số dư đầu kỳ	14.963.007	14.938.350
Tăng trong kỳ	7.937.212.421	67.237.739
<i>Nhận tiền bán chứng khoán</i>	7.192.750.000	-
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	744.329.049	67.226.079
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	133.372	11.660
Giảm trong kỳ	(7.945.176.718)	(67.597.494)
<i>Chuyển vốn ủy thác theo yêu cầu nhà đầu tư</i>	(7.192.750.000)	-
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(693.000.000)	-
<i>Phí quản lý</i>	(52.888.939)	(61.260.819)
<i>Phí lưu ký</i>	(5.718.504)	(5.973.582)
<i>Chi khác</i>	(819.275)	(363.093)
Số dư cuối kỳ	6.998.710	14.578.595

(xvi) Nguyễn An Thiên Trang

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND</i>
Số dư đầu kỳ	3.234.256	9.487.104
Tăng trong kỳ	5.003.438	5.005.472
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	5.000.000	5.000.000
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	3.438	5.472
Giảm trong kỳ	(2.100.000)	(9.462.602)
<i>Phí lưu ký</i>	(2.100.000)	(1.800.000)
<i>Phí quản lý</i>	-	(7.530.602)
<i>Chi khác</i>	-	(132.000)
Số dư cuối kỳ	6.137.694	5.029.974

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

19. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xvii) Lê Nguyễn Chí Cường

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND
Số dư đầu kỳ	653.729	210.631.274
Tăng trong kỳ	3.366.950.759	114.692
Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác	1.696.500.000	-
Nhận tiền bán chứng khoán	1.669.828.500	-
Lãi tiền gửi nhận được	10.578	114.692
Thu khác	611.681	-
Giảm trong kỳ	(3.363.869.035)	(210.092.903)
Thanh toán mua chứng khoán	(1.671.500.000)	-
Tất toán tài khoản	(1.670.571.238)	-
Phí lưu ký	(18.457.152)	(6.600.000)
Phí quản lý	(2.321.645)	(203.360.903)
Chi khác	(1.019.000)	(132.000)
Số dư cuối kỳ	3.735.453	653.063

(xviii) Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND
Số dư đầu kỳ	3.665.533	219.816
Tăng trong kỳ	1.366.352.883	10.003.621
Nhận tiền bán chứng khoán	1.361.250.000	-
Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác	5.000.000	10.000.000
Lãi tiền gửi nhận được	102.883	3.621
Giảm trong kỳ	(1.366.698.940)	(10.211.299)
Chuyển vốn ủy thác theo yêu cầu nhà đầu tư	(1.361.250.000)	-
Phí quản lý	(3.748.940)	(7.879.299)
Phí lưu ký	(1.500.000)	(2.100.000)
Chi khác	(200.000)	(232.000)
Số dư cuối kỳ	3.319.476	12.138

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

19. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xix) Chung Bích Nga

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND</i>
Số dư đầu kỳ	3.238.554	6.828.833
Tăng trong kỳ	2.374	5.003.886
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	-	5.000.000
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	2.374	3.886
Giảm trong kỳ	(2.100.000)	(6.798.450)
<i>Phí lưu ký</i>	(2.100.000)	(4.866.450)
<i>Phí quản lý</i>	-	(1.800.000)
<i>Chi khác</i>	-	(132.000)
Số dư cuối kỳ	1.140.928	5.034.269

(xx) Trần Ngô Anh Thy

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND</i>
Số dư đầu kỳ	289.301	14.760.590
Tăng trong kỳ	1.237.253.847	6.819
<i>Nhận tiền bán chứng khoán</i>	1.237.250.000	-
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	3.847	6.819
Giảm trong kỳ	(1.237.373.725)	(14.478.402)
<i>Chuyển vốn ủy thác theo yêu cầu nhà đầu tư</i>	(1.195.248.393)	-
<i>Phí quản lý</i>	(38.364.357)	(10.814.402)
<i>Phí lưu ký</i>	(2.400.000)	(3.300.000)
<i>Chi khác</i>	(1.360.975)	(364.000)
Số dư cuối kỳ	169.423	289.007

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

19. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xxi) Đoàn Thị Phương Lan

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND
Số dư đầu kỳ	331.866.312	-
Tăng trong kỳ	1.588.958.849	2.582.307.624
<i>Nhận tiền bán chứng khoán</i>	1.577.479.157	575.003.445
<i>Cổ tức nhận được</i>	11.200.000	7.038.050
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	278.774	266.129
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	-	2.000.000.000
<i>Thu khác</i>	918	-
Giảm trong kỳ	(1.920.825.161)	(2.174.316.581)
<i>Chuyển vốn ủy thác theo yêu cầu nhà đầu tư</i>	(1.563.129.737)	-
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(337.811.600)	(2.167.085.000)
<i>Phí quản lý</i>	(4.711.419)	-
<i>Phí lưu ký</i>	(3.152.027)	(1.050.000)
<i>Chi khác</i>	(12.020.378)	(6.181.581)
Số dư cuối kỳ	-	407.991.043

(xxii) Nguyễn Thị Ngọc Như

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND
Số dư đầu kỳ	1.346	3.347.625
Tăng trong kỳ	1.642.687.733	17.817.886
<i>Thanh toán bán chứng khoán</i>	1.433.565.000	-
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	208.798.617	17.815.503
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	96.405	2.383
<i>Thu khác</i>	227.711	-
Giảm trong kỳ	(1.642.689.079)	(17.913.931)
<i>Tất toán tài khoản</i>	(1.431.192.923)	-
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(197.750.000)	-
<i>Phí quản lý</i>	(11.072.656)	(15.881.931)
<i>Phí lưu ký</i>	(2.100.000)	(1.800.000)
<i>Chi khác</i>	(573.500)	(232.000)
Số dư cuối kỳ	-	3.251.580

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

19. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xxiii) Kalidas Ghose

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND
Số dư đầu kỳ	102.937	14.554.849
Tăng trong kỳ	101	9.417
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	101	9.417
Giảm trong kỳ	-	(11.743.015)
<i>Phí quản lý</i>	-	(9.711.015)
<i>Phí lưu ký</i>	-	(1.800.000)
<i>Chi khác</i>	-	(232.000)
Số dư cuối kỳ	103.038	2.821.251

(xxiv) Jang Hyungsik

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND
Số dư đầu kỳ	12.821.602	119.742
Tăng trong kỳ	5.765.898.809	100.018.748
<i>Thanh toán bán chứng khoán</i>	5.741.253.000	-
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	24.322.916	100.000.000
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	4.797	18.748
<i>Thu khác</i>	318.096	-
Giảm trong kỳ	(5.778.720.411)	(87.819.917)
<i>Tắt toán tài khoản</i>	(5.756.667.633)	-
<i>Phí quản lý</i>	(19.648.078)	(85.587.917)
<i>Phí lưu ký</i>	(1.200.000)	(2.100.000)
<i>Chi khác</i>	(1.204.700)	(132.000)
Số dư cuối kỳ	-	12.318.573

Chi tiết biến động tiền nhà đầu tư ủy thác trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND
Số dư đầu kỳ	7.444.607.871	1.872.116.648
Số tăng trong kỳ	33.722.177.559	16.630.024.633
Số giảm trong kỳ	(37.569.300.842)	(16.361.495.713)
Số dư cuối kỳ	3.597.484.588	2.140.645.568

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

20. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch	45.384.294.742	45.167.935.648
<i>Trong đó, các cổ phiếu bị suy giảm giá trị:</i>		
VRE	39.661.520	-
HDG	10.158.813	133.726.167
HVN	6.715.448	-
VCG	6.477.114	-
TPB	948.000	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	42.236.774.069	65.433.287.236
CTCP CMEGO	17.471.250.000	17.471.250.000
CTCP Giải Pháp Tài Chính Toàn Diện	11.560.007.569	11.560.007.569
CTCP Công nghệ Ecotruck	9.990.000.000	9.990.000.000
CTCP E2	3.215.516.500	3.215.516.500
CTCP Giải Pháp Gene	-	23.196.513.167
Trái phiếu niêm yết	5.811.734.008	2.369.134.968
MSN120009	3.442.599.041	-
MSN121013	1.073.966.455	1.073.966.455
MSN120010	649.691.491	649.691.491
MSN120011	645.477.021	645.477.022
	93.432.802.819	112.970.357.852

21. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Phải thu trái tức	138.124.199	66.350.412
Phải thu cổ tức	41.876.000	32.822.500
Phải thu tiền bán chứng khoán	-	236.549.878
Phải thu khác	448.542	677.442
	180.448.741	336.400.232

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Phải trả phí quản lý	87.159.581	107.945.484
Phải trả mua chứng khoán	9.919.858	-
Phải trả ngân hàng lưu ký	7.739.025	7.625.719
Phải trả thuế thu nhập cá nhân từ trái tức	3.221.304	2.741.096
	108.039.768	118.312.299

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ (*)	1.262.108.414	568.327.470
Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	194.449.351	489.464.276
Doanh thu khác	8.828.400	12.411.401
	1.465.386.165	1.070.203.147

(*) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt ("VCAMBF") và Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt ("VCAM-NH VABF") là các quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Thông tin chi tiết về các quỹ này như sau:

Tên viết tắt	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký	<i>Giá trị tài sản ròng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Giá trị tài sản ròng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
VCAMBF	Quỹ mở	Số 11/GCN-UBCK ngày 15 tháng 5 năm 2014	87.040.277.632	77.529.970.878
VCAM-NH VABF	Quỹ mở	Số 40/GCN-UBCK ngày 02 tháng 3 năm 2023	158.506.501.305	152.190.430.191

Theo điều lệ quỹ của VCAMBF, Công ty được nhận phí quản lý hàng tháng với tỷ lệ 0,9%/năm (đến ngày 18 tháng 4 năm 2022) và 1,2%/năm (từ ngày 18 tháng 4 năm 2022) tính trên tổng giá trị tài sản ròng của VCAMBF.

Theo điều lệ quỹ của VCAM-NH VABF, Công ty được nhận phí quản lý tương đương 1,0%/năm tính trên tổng giá trị Giá trị tài sản ròng của VCAM-NH VABF.

Công ty cũng được nhận phí từ việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ của VCAMBF và VCAM-NH VABF lần lượt là 0,5% - 5,0% giá trị đăng ký mua và 0,5% - 3,0% giá trị bán thực hiện.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Chi phí nhân viên	5.688.451.996	4.660.433.598
Chi phí hoạt động quản lý	1.283.339.154	1.227.642.687
Chi phí thuê văn phòng	735.706.249	466.404.912
Chi phí tư vấn quản lý quỹ	697.592.700	1.666.106.430
Chi phí khấu hao tài sản cố định	207.883.689	129.787.851
Chi phí khác	482.732.739	490.649.308
	9.095.706.527	8.641.024.786

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Lãi đầu tư chứng khoán	1.747.187.798	10.443.867.151
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.692.482.519	1.195.485.081
Cổ tức, lợi nhuận được chia	775.000.000	59.718.050
	4.214.670.317	11.699.070.282

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	9.304.252.249	1.739.087.739
	(9.158.606.550)	4.079.020.051
	145.645.699	5.818.107.790

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	3.209.741.639	3.299.582.325
Chi phí văn phòng	417.494.389	332.464.360
Chi phí dịch vụ tư vấn quản lý	127.804.166	175.027.700
Chi phí thù lao Hội đồng quản trị	119.218.000	137.120.500
Chi phí khấu hao	117.578.718	92.225.507
Thuế, phí, lệ phí	23.999.905	19.392.159
Khác	710.724.683	903.243.547
	4.726.561.500	4.959.056.098

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% (kỳ trước: 20%) lợi nhuận tính thuế trong năm theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Lỗi kế toán trước thuế	(8.287.857.244)	(6.662.027.362)
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty (kỳ trước: 20%)	(1.657.571.449)	(1.332.405.472)
Các khoản điều chỉnh tăng		
- Chi phí không được khấu trừ khi tính thuế TNDN	26.918.280	10.014.203
Các khoản điều chỉnh giảm		
- Doanh thu không chịu thuế - Cổ tức	(155.000.000)	(11.943.610)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	1.785.653.169	1.334.334.879
Chi phí thuế TNDN trong kỳ	-	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

Lỗi được chuyển từ các năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 25.062.752.064 VND (31 tháng 12 năm 2022: 16.134.486.220 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

<u>Năm phát sinh</u>	<u>Có thể chuyển lỗ đến năm</u>	<u>Lỗ tính thuế VND</u>	<u>Đã chuyển lỗ đến ngày 30/6/2023 VND</u>	<u>Không được chuyển lỗ VND</u>	<u>Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/6/2023 VND</u>
2022 (*)	2027	16.134.486.220	-	-	16.134.486.220
Sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (*)	2028	8.928.265.844	-	-	8.928.265.844
		25.062.752.064	-	-	25.062.752.064

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế trị giá 25.062.752.064 VND do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

29. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</u>	<u>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</u>
Lỗ phân bổ cho các cổ đông của Công ty	(8.287.857.244)	(6.662.027.362)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	13.000.000	13.000.000
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(638)	(512)

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Công ty. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

(a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:

- ▶ kiểm soát, được kiểm soát bởi, hoặc dưới sự kiểm soát chung với Công ty (bao gồm Công ty mẹ và các công ty con);
- ▶ có vốn góp vào Công ty và do đó có sự ảnh hưởng đáng kể tới Công ty; hoặc
- ▶ có quyền đồng kiểm soát Công ty;

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN (tiếp theo)

- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Tổng giám đốc của Công ty hoặc Công ty mẹ;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một tổ chức được trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể bởi, hoặc quyền biểu quyết đáng kể trong tổ chức này tập trung vào, bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>
			<i>sáu tháng</i>	<i>sáu tháng</i>
			<i>kết thúc ngày 30</i>	<i>kết thúc ngày 30</i>
			<i>tháng 6 năm 2023</i>	<i>tháng 6 năm 2022</i>
			<i>VND</i>	<i>VND</i>
Công ty Cổ phần đầu tư Việt Capital Ventures - VCV	Công ty liên kết	Phí quản lý danh mục đầu tư	3.420.209	6.698.647
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt - VCSC	Bên liên quan	Phí dịch vụ môi giới chứng khoán	15.020.753	4.914.210
		Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	330.102	474.439
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Bên liên quan	Gửi tiền gửi có kỳ hạn	120.000.000.000	150.000.000.000
		Rút tiền gửi có kỳ hạn	(136.000.000.000)	(140.000.000.000)
		Nhận lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.650.186.298	412.218.440
VCAMBF	Quỹ được Quản lý	Phí quản lý quỹ	492.434.368	568.327.470
		Bán chứng chỉ quỹ	60.730.720	-
VCAM-NH VABF	Quỹ được Quản lý	Phí quản lý quỹ	769.674.046	-
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc	Tổng giám đốc	Lương, thù lao trợ cấp	2.273.680.000	2.246.800.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu/phải trả với các bên liên quan tại thời điểm cuối kỳ kế toán như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Công ty Cổ phần đầu tư Capital Ventures - VCV	Công ty liên kết	Đầu tư vào công ty liên kết Phải thu phí quản lý	1.891.500.000 441.800	1.891.500.000 770.531
Công ty Cổ phần Tư vấn Bản Việt - VCE	Công ty liên kết	Đầu tư vào công ty liên kết	957.453.061	957.453.061
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Bên liên quan	Tiền gửi có kỳ hạn Tiền gửi không kỳ hạn Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	30.000.000.000 2.201.614.884 605.068.493	46.000.000.000 1.378.058.918 425.520.552
VCAMBF	Quỹ được Quản lý	Đầu tư ngắn hạn Phải thu phí quản lý Phải thu phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	54.756.415.382 84.768.491 832.073	54.802.279.507 95.371.250 1.183.070
VCAM-NH VABF	Quỹ được Quản lý	Đầu tư ngắn hạn Phải thu phí quản lý Phải thu phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	25.000.000.000 129.884.677 43.737	25.000.000.000 128.804.729 -

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

31.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.1 *Rủi ro thị trường* (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

31.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng mà khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tại công ty chứng khoán, các khoản phải thu.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng và công ty chứng khoán được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty.

31.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

31. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	Bắt kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2023					
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.510.849.584	-	-	-	14.510.849.584
Đầu tư ngắn hạn – góp	143.420.484.211	-	30.000.000.000	-	173.420.484.211
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	1.215.087.250	-	-	1.215.087.250
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	-	302.688.559	-	-	302.688.559
Các khoản phải thu khác	-	1.234.914.084	-	-	1.234.914.084
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	550.311.000	550.311.000
Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết – góp	-	-	-	2.848.953.061	2.848.953.061
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000
	157.931.333.795	1.517.775.809	31.234.914.084	5.899.264.061	196.583.287.749
Nợ phải trả tài chính					
Chi phí phải trả	-	-	435.435.632	-	435.435.632
Phải trả ngắn hạn khác	-	-	21.259.101	-	21.259.101
	-	-	456.694.733	-	456.694.733
Trạng thái thanh khoản ròng	157.931.333.795	1.517.775.809	30.778.219.351	5.899.264.061	196.126.593.016

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

31. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2022					
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.549.521.312	25.000.000.000	-	-	29.549.521.312
Đầu tư ngắn hạn – gộp	135.456.609.266	-	21.000.000.000	-	156.456.609.266
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	20.375.454.288	-	-	20.375.454.288
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	-	351.810.444	-	-	351.810.444
Các khoản phải thu khác	-	-	612.487.072	-	612.487.072
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	526.011.000	526.011.000
Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết – gộp	-	-	-	2.848.953.061	2.848.953.061
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000
	140.006.130.578	45.727.264.732	21.612.487.072	5.874.964.061	213.220.846.443
Nợ phải trả tài chính					
Chi phí phải trả	-	-	289.016.359	-	289.016.359
Khác	-	-	1.267.081.332	-	1.267.081.332
	-	-	1.556.097.691	-	1.556.097.691
Trạng thái thanh khoản ròng	140.006.130.578	45.727.264.732	20.056.389.381	5.874.964.061	211.664.748.752

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

32. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.510.849.584	29.549.521.312	14.510.849.584	29.549.521.312
Đầu tư ngắn hạn	173.420.484.211	156.456.609.266	(*)	(*)
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.215.087.250	20.375.454.288	(*)	(*)
Phải thu từ các hoạt động nghiệp vụ	302.688.559	351.810.444	(*)	(*)
Các khoản phải thu khác	1.234.914.084	612.487.072	(*)	(*)
Phải thu dài hạn khác	550.311.000	526.011.000	(*)	(*)
Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết	2.848.953.061	2.848.953.061	(*)	(*)
Đầu tư dài hạn khác	2.500.000.000	2.500.000.000	(*)	(*)
	196.583.287.749	213.220.846.443		
Nợ phải trả tài chính				
Chi phí phải trả	435.435.632	289.016.359	(*)	(*)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	21.259.101	1.267.081.332	(*)	(*)
	456.694.733	1.556.097.691		

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không xác định được vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động tại thời điểm cuối kỳ kế toán như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Trong vòng một (1) năm	1.657.633.450	2.518.388.400
Từ một (1) đến năm (5) năm	-	487.539.250
	1.657.633.450	3.005.927.650

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Người lập:

Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:

Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phạm Pho Hốp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023